



**CÔNG TY TNHH MTV SÁCH VÀ
THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC TỈNH ĐẮK NÔNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 26

11/12/2017

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị Trường học Tỉnh Đắk Nông công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Thông tin khái quát

Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị Trường học Tỉnh Đắk Nông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ việc chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Sách và Thiết bị Trường học Tỉnh Đắk Nông thành Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 05/03/2013 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Nông. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6400001087 ngày 30/06/2010 của Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Nông, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/04/2017.

Công ty nhận sáp nhập Nhà in Đắk Nông theo Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 05/09/2017 của UBND Tỉnh Đắk Nông. Đến 31/10/2017, đã hoàn thành việc tiếp nhận nguyên trạng Nhà in vào Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị Trường học tỉnh Đắk Nông.

Vốn điều lệ: 1.767.645.192 đồng

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2017: 17.350.171.024 đồng

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Đường Quang Trung, Tổ dân phố 2, P Nghĩa Tân, TX Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông
- Điện thoại: (84) 0261.3555779
- Fax: (84) 0261.3545872

Ngành nghề kinh doanh chính

- Mua, bán: Sách giáo khoa, sách tham khảo, vở, văn phòng phẩm, thiết bị dạy học, mỹ phẩm, đồ chơi trẻ em, dụng cụ thể dục, thể thao, âm nhạc;
- In ấn trong lĩnh vực giáo dục;
- Liên kết sản xuất, kinh doanh thiết bị dạy học, thiết bị văn phòng, máy vi tính, thiết bị điện – điện tử, bàn ghế học sinh, hàng trang trí nội thất, các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao;
- Dịch vụ du lịch;
- Thực hiện các dịch vụ, nghiệp vụ tư vấn các sản phẩm thuộc ngành, nghề kinh doanh và dịch vụ.

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 45 người. Trong đó, cán bộ quản lý là 2 người.

Chủ tịch Công ty, Giám đốc và Trưởng phòng kế toán trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

- | | | |
|---------------------------|---------------------------|--------------------------|
| • Ông Ngô Xuân Hà | Chủ tịch
Kiêm Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 12/02/2015 |
| • Bà Trương Thị Hồng Linh | Trưởng phòng Kế toán | Bổ nhiệm ngày 31/10/2017 |

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Giám đốc Công ty trong việc lập Báo cáo tài chính

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Chủ tịch
Kiểm Giám đốc
CÔNG TY
MỘT THÀNH VIÊN
SÁCH VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC
ĐẮK NÔNG
ĐẮK NÔNG



Đắk Nông, ngày 07 tháng 03 năm 2018



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN KẾ TOÁN TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 179/2018/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Giám đốc Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị trường học Tỉnh Đắk Nông

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị trường học Tỉnh Đắk Nông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 07/03/2018, từ trang 5 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại thuyết minh số 38, Công ty bị truy thu thuế (năm 2004 và 2005), tổng số tiền 403.372.463 đồng (số đã nộp: 25.000.000 đồng, số còn phải nộp: 378.372.463 đồng) theo kết luận số 1785/KL-UBND của Chủ tịch UBND Tỉnh Đắk Nông ngày 11/09/2007 "Về việc thanh tra hoạt động sản xuất kinh doanh và chấp hành pháp luật tại Công ty Sách và Thiết bị Trường học Đắk Nông". Tuy nhiên, theo văn bản số 99/TTr-STC ngày 23/04/2015 của Sở Tài Chính Tỉnh Đắk Nông "Về việc điều chỉnh sổ sách kế toán của Công ty Sách và Thiết bị Trường học Đắk Nông theo kết luận 1785/KL-UBND" thì để có cơ sở cho Công ty điều chỉnh lại sổ sách kế toán; đề nghị UBND Tỉnh Đắk Nông chỉ đạo Thanh tra Tỉnh Đắk Nông tiếp nhận lại hồ sơ để khắc phục một số hồ sơ chưa đầy đủ tính pháp lý. Với các tài liệu kế toán hiện có tại Công ty, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần phải điều chỉnh các khoản truy thu thuế này hay không. Do đó, ảnh hưởng của khoản truy thu thuế này đến Báo cáo tài chính còn tùy thuộc vào quyết định của các cơ quan có thẩm quyền.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.734.752.781	11.679.934.370
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.956.734.147	2.934.125.639
1. Tiền	111		3.956.734.147	2.934.125.639
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		400.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	400.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.987.769.940	6.292.051.944
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	4.401.428.194	2.758.158.538
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	8.621.755	5.015.364
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.691.522.333	3.643.790.784
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(114.912.742)	(114.912.742)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	11	1.110.400	-
IV. Hàng tồn kho	140	12	6.209.750.916	2.277.392.285
1. Hàng tồn kho	141		6.209.750.916	2.277.392.285
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		180.497.778	176.364.502
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	171.250.926	167.582.781
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	9.246.852	8.781.721
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.969.964.705	1.803.325.264
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.253.760.751	774.061.084
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	8.194.694.074	691.794.411
- Nguyên giá	222		9.337.488.812	1.642.170.270
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.142.794.738)	(950.375.859)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	59.066.677	82.266.673
- Nguyên giá	228		185.527.570	185.527.570
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(126.460.893)	(103.260.897)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.716.203.954	1.029.264.180
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	1.716.203.954	1.029.264.180
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		26.704.717.486	13.483.259.634

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		16.734.752.781	11.679.934.370
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.956.734.147	2.934.125.639
1. Tiền	111		3.956.734.147	2.934.125.639
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		400.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	400.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.987.769.940	6.292.051.944
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	4.401.428.194	2.758.158.538
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	8.621.755	5.015.364
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.691.522.333	3.643.790.784
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(114.912.742)	(114.912.742)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	11	1.110.400	-
IV. Hàng tồn kho	140	12	6.209.750.916	2.277.392.285
1. Hàng tồn kho	141		6.209.750.916	2.277.392.285
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		180.497.778	176.364.502
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13.a	171.250.926	167.582.781
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	9.246.852	8.781.721
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.969.964.705	1.803.325.264
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		8.253.760.751	774.061.084
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	8.194.694.074	691.794.411
- Nguyên giá	222		9.337.488.812	1.642.170.270
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.142.794.738)	(950.375.859)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	59.066.677	82.266.673
- Nguyên giá	228		185.527.570	185.527.570
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(126.460.893)	(103.260.897)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.716.203.954	1.029.264.180
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13.b	1.716.203.954	1.029.264.180
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		26.704.717.486	13.483.259.634

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		12.229.172.452	12.874.014.198
I. Nợ ngắn hạn	310		12.229.172.452	12.874.014.198
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	8.448.114.909	6.540.016.045
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	7.714.711
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	76.582.545	119.824.606
4. Phải trả người lao động	314		480.351.484	182.206.083
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	5.178.082	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	320.688.860	4.125.996.181
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	3.000.000.000	2.000.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(101.743.428)	(101.743.428)
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.475.545.034	609.245.436
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	14.475.545.034	609.245.436
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	17.350.171.024	3.938.298.587
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	128.057.308	128.057.308
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	(3.002.683.298)	(3.457.110.459)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(3.457.110.459)	(4.192.628.633)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		454.427.161	735.518.174
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		26.704.717.486	13.483.259.634

Chủ tịch

Kiểm Giám đốc



Ngô Xuân Hà

Đăk Nông, ngày 07 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng


Trương Thị Hồng Linh

Người lập biểu


Nguyễn Thị Hoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		454.427.161	735.518.174
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	14,15	215.618.875	59.482.284
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	25	(56.123.204)	(13.614.674)
- Chi phí lãi vay	06	26	124.198.630	63.500.000
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		738.121.462	844.885.784
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		328.599.416	(91.385.640)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	12	(3.192.583.478)	(1.662.719.067)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.622.130.464)	2.273.134.506
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	11	1.354.936	(490.233.695)
- Tiền lãi vay đã trả	14	26	(119.020.548)	(63.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.865.658.676)	810.181.888
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(33.000.000)	-
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	4.545.455
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		3.500.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25	56.123.204	9.069.219
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.523.123.204	13.614.674
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	21	365.143.980	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	20	3.000.000.000	2.000.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	20	(2.000.000.000)	(365.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.365.143.980	1.635.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		1.022.608.508	2.458.796.562
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	2.934.125.639	475.329.077
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	3.956.734.147	2.934.125.639

Chủ tịch
Kiểm Giám đốc



Ngô Xuân Hà

Đắk Nông, ngày 07 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng

Trương Thị Hồng Linh

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hoa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị Trường học Tỉnh Đắk Nông (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập từ việc chuyển đổi Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Sách và Thiết bị Trường học Tỉnh Đắk Nông thành Công ty TNHH một thành viên theo Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 05/03/2013 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Đắk Nông. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6400001087 ngày 30/06/2010 của Sở kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Nông, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 7 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 20/04/2017.

Công ty nhận sáp nhập Nhà in Đắk Nông theo Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 05/09/2017 của UBND Tỉnh Đắk Nông. Đến 31/10/2017, đã hoàn thành việc tiếp nhận nguyên trạng Nhà in vào Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị Trường học tỉnh Đắk Nông.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Mua, bán: Sách giáo khoa, sách tham khảo, vở, văn phòng phẩm, thiết bị dạy học, mỹ phẩm, đồ chơi trẻ em, dụng cụ thể dục, thể thao, âm nhạc;
- In ấn trong lĩnh vực giáo dục;
- Liên kết sản xuất, kinh doanh thiết bị dạy học, thiết bị văn phòng, máy vi tính, thiết bị điện – điện tử, bàn ghế học sinh, hàng trang trí nội thất, các sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao;
- Dịch vụ du lịch;
- Thực hiện các dịch vụ, nghiệp vụ tư vấn các sản phẩm thuộc ngành, nghề kinh doanh và dịch vụ

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các khoản nợ phải thu được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên giao dịch.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc, thiết bị	3 – 5
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5

4.6 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn được nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm máy tính	3

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty :

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 tháng đến 36 tháng.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính

Thời điểm ghi nhận nợ phải trả là thời điểm phát sinh nghĩa vụ phải thanh toán của Công ty hoặc khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Các khoản nợ phải trả là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

4.9 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn khi trình bày trên báo cáo tài chính.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ. Đối với các khoản vay và nợ thuê tài chính là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá bán tại thời điểm cuối kỳ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.10 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản chi phí phải trả chủ yếu của Công ty là chi phí lãi vay phải trả được xác định theo lãi suất thỏa thuận của từng hợp đồng vay, thời gian vay và nợ gốc vay.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Lợi nhuận tại Công ty được phân phối theo quy định tại Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

4.12 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được xem là sự kiện cần điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng được ghi nhận trong kỳ là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận là các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi giảm khi Công ty hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo hỗ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
 - ✓ Hoạt động in ấn chịu thuế suất là 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền mặt	682.355.661	609.483.490
Tiền gửi ngân hàng	3.274.378.486	2.324.642.149
Cộng	3.956.734.147	2.934.125.639

6. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	400.000.000	-
Cộng	400.000.000	-

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017	01/01/2017
Nhà Sách Giáo Dục Cư Jút	347.438.686	295.014.150
Trường Trung Cấp nghề Đắk Nông	181.250.000	1.250.000
Công ty TNHH MTV Sách - TBHD Hoàng Nam	131.266.949	-
Báo Đắk Nông	672.024.500	-
Trường THPT DT Nội trú N'Trang Lơng	225.945.000	-
Các đối tượng khác	2.843.503.059	2.461.894.388
Cộng	4.401.428.194	2.758.158.538

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty TNHH Công nghệ Bảo Phát	3.400.000	-
Công ty TNHH MTV XD Trần Châu	3.000.000	3.000.000
Các đối tượng khác	2.221.755	2.015.364
Cộng	8.621.755	5.015.364

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về xử lý tài chính quy trách nhiệm cá nhân (*)	838.032.078	-	938.445.258	-
- Ông Ngô Đình Thanh	653.610.284	-	653.610.284	-
- Ông Tạ Danh Quang	-	-	100.413.180	-
- Ông Tạ Danh Nghĩa	49.364.461	-	49.364.461	-
- Bà Tạ Thị Hợi	135.057.333	-	135.057.333	-
Phải thu thanh tra Tỉnh Đắk Nông (**)	512.867.271	-	512.867.271	-
Phải thu cá nhân về các khoản chi sai chế độ (**)	201.850.000	-	201.850.000	-
- Ông Lê Minh Hậu	52.850.000	-	52.850.000	-
- Bà Nguyễn Thị Hương	50.000.000	-	50.000.000	-
- Bà Mai Thị Sang	45.000.000	-	45.000.000	-
- Ông Nguyễn Mai Quang	32.000.000	-	32.000.000	-
- Bà Ngô Thị Nhâm	22.000.000	-	22.000.000	-
Tạm ứng	53.658.692	-	5.000.000	-
Phải thu khác	85.114.292	-	1.985.628.255	-
Cộng	1.691.522.333	-	3.643.790.784	-

(*) Các khoản nợ phải thu về xử lý tài chính quy trách nhiệm đối với các cá nhân (do trách nhiệm đối với tiền nợ tồn đọng không thu hồi được, chi tạm ứng sai quy định ...) theo quyết định của Giám đốc Công ty.

(**) Theo kết luận số 1785/KL-UNND của Chủ tịch UBND Tỉnh Đắk Nông ngày 11/09/2007 khoản phải thu hồi (tiền lương, mua bảo hiểm nhân thọ, tiền các cá nhân bán hàng không nộp quỹ ...), số tiền: 714.717.271 đồng (trong đó người lao động đã nộp vào tài khoản tạm giữ của thanh tra Tỉnh Đắk Nông và Thanh tra Tỉnh Đắk Nông đã nộp vào Ngân sách Nhà nước là 512.867.217 đồng, phần chưa nộp là 201.850.054 đồng). Ngày 23/04/2015, Sở Tài chính Tỉnh Đắk Nông đã có văn bản số 99/TTr-STC hướng dẫn Công ty hạch toán phải thu lại các khoản phải thu hồi trên.

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2017	01/01/2017
Dự phòng các khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	(114.912.742)	(114.912.742)
Cộng	(114.912.742)	(114.912.742)

11. Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2017	01/01/2017
Hàng hóa	1.110.400	-
Cộng	1.110.400	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.892.433.767	-	-	-
Hàng hóa	4.317.317.149	-	2.277.392.285	-
Cộng	6.209.750.916	-	2.277.392.285	-

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, mất phẩm chất, chậm luân chuyển tại 31/12/2017.
- Không có hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo khoản vay tại ngày 31/12/2017.

13. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công cụ dụng cụ	25.178.784	366.664
Chi phí thuê kho	142.400.000	-
Các khoản khác	3.672.142	167.216.117
Cộng	171.250.926	167.582.781

b. Dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Chi phí mặt bằng	1.260.304.549	423.427.050
Công cụ dụng cụ	314.429.100	340.928.800
Các khoản khác	141.470.305	264.908.330
Cộng	1.716.203.954	1.029.264.180

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	864.730.270	-	666.540.000	110.900.000	1.642.170.270
Mua sắm trong năm	-	33.000.000	-	-	33.000.000
Tăng do sáp nhập	2.441.576.011	5.025.500.531	195.242.000	-	7.662.318.542
Số cuối năm	3.306.306.281	5.058.500.531	861.782.000	110.900.000	9.337.488.812
Khấu hao					
Số đầu năm	172.935.859	-	666.540.000	110.900.000	950.375.859
Khấu hao trong năm	56.628.756	130.909.072	4.881.051	-	192.418.879
Số cuối năm	229.564.615	130.909.072	671.421.051	110.900.000	1.142.794.738
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	691.794.411	-	-	-	691.794.411
Số cuối năm	3.076.741.666	4.927.591.459	190.360.949	-	8.194.694.074

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 69.527.570 đồng.

Không có TSCĐ hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu năm	185.527.570	185.527.570
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	185.527.570	185.527.570
Khấu hao		
Số đầu năm	103.260.897	103.260.897
Khấu hao trong năm	23.199.996	23.199.996
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối năm	126.460.893	126.460.893
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	82.266.673	82.266.673
Số cuối năm	59.066.677	59.066.677

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Công ty CP SGD tại TP. HCM	1.472.591.754	1.161.610.162
Công ty CP Sách và TBGD Miền Nam	1.040.791.004	64.105.039
Công ty CP Sách - TBTH Đắk Lắk	1.355.675.898	1.504.053.572
Công ty CP ĐT & PTGD Phương Nam	1.320.689.020	65.402.448
Công ty TNHH SX TM DV Tân Thuận Tiến	1.684.500.005	2.472.081.665
Các đối tượng khác	1.573.867.228	1.272.763.159
Cộng	8.448.114.909	6.540.016.045

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a. Phải nộp

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT	112.785.928	250.498.413	297.586.566	65.697.775
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	65.877.576	65.877.576	-
Các loại thuế khác	7.038.678	7.846.092	4.000.000	10.884.770
Cộng	119.824.606	324.222.081	367.464.142	76.582.545

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Phải thu

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế Thu nhập cá nhân	8.781.721	14.366.160	14.831.291	9.246.852
Cộng	8.781.721	14.366.160	14.831.291	9.246.852

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017	01/01/2017
Lãi vay dự trả	5.178.082	-
Cộng	5.178.082	-

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	01/01/2017
Kinh phí công đoàn	32.715.264	-
Bảo hiểm xã hội	3.939.819	-
Cổ tức phải trả	-	-
Các khoản phải trả khác	284.033.777	4.125.996.181
- Ngân sách tỉnh Đắk Nông	-	2.000.000.000
- Ông Ngô Xuân Hà (bên liên quan)	10.783.492	9.079.045
- Bà Lê Thị Lan	69.967.000	-
- Các đối tượng khác	203.283.285	2.116.917.136
Cộng	320.688.860	4.125.996.181

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	2.000.000.000	3.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000
- Vietinbank - Chi nhánh Đắk Nông	2.000.000.000	3.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	3.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000

Khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Nông theo Hợp đồng Số 001/2017-HĐCVTL/NHCT506-SACHTBTH ngày 03/08/2017 để bổ sung vốn thực hiện việc cấp sách giáo khoa, vở viết cho học sinh thuộc diện chính sách năm học 2017-2018. Hạn mức cho vay là 3.000.000.000 đồng. Thời hạn của mỗi kế ước nhận nợ tối đa 06 tháng, với lãi suất 9%/năm (cơ sở tính lãi 1 năm là 365 ngày). Tài sản đảm bảo khoản vay là Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1100, Nghĩa Phú, Gia Nghĩa, Đắk Nông và Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 411, Nghĩa Tân, Gia Nghĩa, Đắk Nông thuộc sở hữu của ông Ngô Xuân Hà và bà Nguyễn Thị Tinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2016	3.938.298.587	128.057.308	(4.192.628.633)	(126.272.738)
Tăng trong năm	-	-	735.518.174	735.518.174
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2016	3.938.298.587	128.057.308	(3.457.110.459)	609.245.436
Số dư tại 01/01/2017	3.938.298.587	128.057.308	(3.457.110.459)	609.245.436
Tăng trong năm (*)	13.411.872.437	-	454.427.161	13.866.299.598
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2017	17.350.171.024	128.057.308	(3.002.683.298)	14.475.545.034

(*) Tăng vốn góp của chủ sở hữu trong năm do Công ty nhận sáp nhập Nhà in Đắk Nông theo Quyết định số 1447/QĐ-UBND ngày 05/09/2017 của UBND Tỉnh Đắk Nông.

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	31/12/2017	01/01/2017
Ủy Ban nhân dân Tỉnh Đắk Nông	17.350.171.024	3.938.298.587
Cộng	17.350.171.024	3.938.298.587

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2017	Năm 2016
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	(3.457.110.459)	(4.192.628.633)
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp năm nay	454.427.161	735.518.174
Phân phối lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(3.002.683.298)	(3.457.110.459)

22. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2017	Năm 2016
Bán hàng hóa	25.418.322.679	23.177.406.032
Doanh thu hoạt động in ấn	2.783.245.321	-
Cộng	28.201.568.000	23.177.406.032

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2017	Năm 2016
Chiết khấu thương mại	1.435.834.504	290.576.353
Cộng	1.435.834.504	290.576.353

24. Giá vốn hàng bán

	Năm 2017	Năm 2016
Bán hàng hóa	19.831.244.995	18.429.875.720
Bán thành phẩm	1.925.637.353	-
Cộng	21.756.882.348	18.429.875.720

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền gửi	56.123.204	9.069.219
Chiết khấu được hưởng	67.380.084	20.901.835
Cộng	123.503.288	29.971.054

26. Chi phí tài chính

	Năm 2017	Năm 2016
Lãi tiền vay	124.198.630	63.500.000
Chi phí tài chính khác	-	440.691
Cộng	124.198.630	63.940.691

27. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí lương nhân viên	703.608.440	533.161.577
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	365.735.863	78.403.772
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.297.804	6.297.804
Chi phí dịch vụ mua ngoài	446.468.880	13.500.000
Chi phí bằng tiền khác	920.005.285	1.100.355.553
Cộng	2.448.116.272	1.731.718.706

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nhân viên quản lý	1.093.615.645	1.096.278.928
Chi phí đồ dùng văn phòng	215.041.560	85.635.296
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.017.814	12.623.937
Các khoản thuế, phí và lệ phí	65.643.000	78.086.539
Chi phí dịch vụ mua ngoài	530.488.980	539.714.836
Chi phí bằng tiền khác	202.070.575	189.805.515
Cộng	2.155.877.574	2.002.145.051

28. Thu nhập khác

	Năm 2017	Năm 2016
Thu nhập từ thanh lý	4.545.455	4.545.455
Thu nhập từ cho thuê mặt bằng cửa hàng	54.545.455	54.545.455
Các khoản khác	5.962.032	4.879.747
Cộng	65.052.942	63.970.657

29. Chi phí khác

	Năm 2017	Năm 2016
Các khoản phạt, truy thu thuế	9.787.741	17.064.048
Các khoản khác	5.000.000	509.000
Cộng	14.787.741	17.573.048

30. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2017	Năm 2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	454.427.161	735.518.174
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(454.427.161)	(735.518.174)
- Điều chỉnh tăng (Chi phí không được trừ)	32.787.741	-
- Điều chỉnh giảm (Số lỗ được kết chuyển)	487.214.902	735.518.174
Tổng thu nhập chịu thuế	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	968.264.642	-
Chi phí nhân công	2.432.540.384	1.629.440.505
Chi phí khấu hao tài sản cố định	215.618.875	18.921.741
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.697.942.984	717.253.904
Chi phí khác bằng tiền	1.215.264.314	1.368.247.607
Cộng	6.529.631.199	3.733.863.757

32. Thông tin về các bên liên quan

a. Bên liên quan

	Mối quan hệ
Ông Ngô Xuân Hà	Chủ tịch kiêm Giám đốc

b. Số dư của bên liên quan

	Khoản mục	31/12/2017	01/01/2017
Ông Ngô Xuân Hà	Phải trả khác	10.783.492	9.079.045

c. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2017	Năm 2016
Thu nhập của Giám đốc	262.992.738	262.992.738

33. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong bộ phận kinh doanh chính là: kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và một bộ phận địa lý chính là Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất và giá nguyên liệu.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa sách, thiết bị trường học và các loại văn phòng phẩm khác từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá hàng hóa mua vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Đồng thời, Công ty đã áp dụng chính sách ký hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp truyền thống và đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty. Với chính sách quản lý về giá trên, Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá hàng hóa ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tài chính là một số khoản nợ phải thu. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty xây dựng chính sách bán hàng và thu hồi công nợ áp dụng cho các nhà phân phối. Để hạn chế công nợ chậm thanh toán Công ty đã thực hiện mức chiết khấu thanh toán cho các nhà phân phối với các tỷ lệ trên số dư nợ cuối tháng. Với những khách hàng mới, Công ty tìm hiểu kỹ về khả năng tài chính và thanh toán của khách hàng từ đó xác định bán tín chấp hay thanh toán trước tiền hàng. Ngoài ra, giữa bộ phận kinh doanh và bộ phận tài chính kế toán luôn có sự đối chiếu thông tin về các khoản công nợ đến hạn thanh toán cũng như quá hạn để kịp thời đôn đốc và có biện pháp thu nợ thích hợp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	8.448.114.909	-	8.448.114.909
Chi phí phải trả	5.178.082	-	5.178.082
Vay và nợ thuê tài chính	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Phải trả khác	284.033.777	-	284.033.777
Cộng	11.737.326.768	-	11.737.326.768
01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	6.540.016.045	-	6.540.016.045
Vay và nợ thuê tài chính	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải trả khác	4.125.996.181	-	4.125.996.181
Cộng	12.666.012.226	-	12.666.012.226

Công ty có rủi ro thanh khoản tuy nhiên Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.956.734.147	-	3.956.734.147
Phải thu khách hàng	4.286.515.452	-	4.286.515.452
Đầu tư tài chính	400.000.000	-	400.000.000
Phải thu khác	1.637.863.641	-	1.637.863.641
Cộng	10.281.113.240	-	10.281.113.240
01/01/2017	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.934.125.639	-	2.934.125.639
Phải thu khách hàng	2.643.245.796	-	2.643.245.796
Phải thu khác	3.638.790.784	-	3.638.790.784
Cộng	9.216.162.219	-	9.216.162.219

35. Cam kết bảo lãnh

Ông Nguyễn Xuân Hà và Bà Nguyễn Thị Tĩnh dùng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1100, Nghĩa Phú, Gia Nghĩa, Đắk Nông và Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 411, Nghĩa Tân, Gia Nghĩa, Đắk Nông để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị trường học tỉnh Đắk Nông tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Nông.

36. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán khác.

38. Những thông tin khác

Theo kết luận số 1785/KL-UBND ngày 11/09/2007 của Chủ tịch UBND Tỉnh Đắk Nông thì Công ty bị truy thu và phạt thuế năm 2004, 2005, tổng số tiền là 403.372.463 đồng (số đã nộp: 25.000.000 đồng, số còn phải nộp: 378.372.463 đồng). Tuy nhiên, theo văn bản số 99/TTr-STC ngày 23/04/2015 của Sở Tài Chính Tỉnh Đắk Nông "Về việc điều chỉnh sổ sách kế toán của Công ty Sách và Thiết bị Trường học Đắk Nông theo kết luận 1785/KL-UBND" thì để có cơ sở cho Công ty điều chỉnh lại sổ sách kế toán; đề nghị UBND Tỉnh Đắk Nông chỉ đạo Thanh tra Tỉnh Đắk Nông tiếp nhận lại hồ sơ để khắc phục một số hồ sơ chưa đầy đủ tính pháp lý. Do đó, Công ty vẫn chưa nộp cũng như chưa ghi nhận khoản thuế còn phải nộp vào Báo cáo tài chính.

Chủ tịch
Kiểm Giám đốc



Ngô Xuân Hà
Ngô Xuân Hà

Đắk Nông, ngày 07 tháng 03 năm 2018

Kế toán trưởng



Trương Thị Hồng Linh

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hoa